

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 40/2022/DS-ST
Ngày: 08 - 7 - 2022
V/V tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Sơn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Huỳnh Ngọc Trứ.

2. Ông: Nguyễn Tiên Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Cán bộ TAND thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2021/TLST- DS ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Phương H, sinh ngày 01/5/1983;

Địa chỉ: Số 01, khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Ông Trần Đăng K, sinh ngày 20/10/1996; địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã C, tỉnh Tiền Giang là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Phương H “Văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 6 năm 2021”. (có mặt)

2/ Bị đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 02/6/2021, tại lời khai trong các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Phương H có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đăng K trình bày: Do bạn bè làm chung cơ quan với nhau, nên vào ngày 25/4/2019 phía bà H có cho bà T vay hai lần tiền, vào buổi sáng cho bà T vay số tiền là 260.000.000 đồng và buổi chiều vay tiếp số tiền là 155.000.000 đồng, tổng cộng số tiền mà bà T vay của bà H là 415.000.000 đồng, nhưng khi bà H cho bà T vay tiền thì bà T không có làm biên nhận vay tiền, vì là bạn bè làm chung cơ quan với nhau, về*

lãi suất vay hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng. Sau khi vay bà T không trả tiền lãi theo đúng thỏa thuận, nên đến ngày 10/4/2020 hai bên đối chiếu nợ thì tiền vốn vay tổng cộng là 415.000.000 đồng, tiền lãi suất là 2% tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 31/01/2020 với số tiền là 104.500.000 đồng, tiền lãi vay trước đây còn nợ lại là 60.860.000 đồng, phía bà T trả được số tiền lãi là 6.800.000 đồng. Sau khi đối chiếu nợ bà T có viết biên nhận nợ với số tiền là 573.560.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 415.000.000 đồng và lãi là 158.560.000 đồng), bà T có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ và thỏa thuận mỗi tháng trả là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không tính lãi từ ngày 01/02/2020, nhưng phía bà T không trả tiền theo thỏa thuận, nên phía bà H có đến đòi nhiều lần phía bà T hẹn trả nhưng không trả kéo dài cho đến nay. Theo đơn khởi kiện thì phía bà H yêu cầu bà T trả số tiền vốn vay là 415.000.000 đồng và lãi theo quy định pháp luật 20%/năm là 1,66%/tháng, tiền lãi tạm tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 25/5/2021 là 25 tháng lãi với số tiền là 172.916.000 đồng, nhưng tại phiên tòa hôn nay phía nguyên đơn bà H chỉ yêu cầu bà T trả số tiền lãi với lãi suất là 0,8%/tháng, tính từ ngày 25/4/2019 cho đến ngày xét xử hôm nay là ngày 08/7/2022 là hơn 38 tháng lãi nhưng chỉ yêu cầu tính tròn là 38 tháng lãi.

* Bị đơn bà Phạm Thị Kim T dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gởi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Kim T. Xét thấy, trước đây phía bị đơn bà T có chồng là ông Trần Văn Linh, có gửi thư theo đường bưu điện cho Tòa án và có cung cấp cho Tòa án đơn thuốc là bà Phạm Thị Kim T đang điều trị bệnh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Tiền Giang. Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy có thông báo 02 lần cho phía ông Phạm Văn Linh (ông Linh là chồng của bà T) và bị đơn bà Phạm Thị Kim T là trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, phải cung cấp cho Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy sổ khám và điều trị bệnh tại Bệnh viện Tâm thần tỉnh Tiền Giang đối với bà Phạm Thị Kim T (bản gốc hoặc bản photo có chứng thực) hoặc giấy xác nhận của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Tiền Giang xác nhận bà bà Phạm Thị Kim T sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang đang điều trị tại Bệnh viện. Trường hợp bà Phạm Thị Kim T mức độ bệnh có dấu hiệu là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì ông Phạm Văn Linh (ông Linh là chồng của bà Phạm Thị Kim T) phải tiến hành làm thủ tục việc dân sự để tuyên bố bà Phạm Thị Kim T là người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự để ông Phạm Văn Linh (ông Linh là chồng của bà Phạm Thị Kim T) làm đại diện theo pháp luật cho bà Phạm Thị Kim T. Nếu quá thời hạn nói trên mà phía ông Phạm Văn Linh và bà Phạm Thị Kim T không cung cấp tài liệu, chứng cứ như nói trên và không tiến

hành làm các thủ tục như nội dung thông báo nêu trên thì Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang sẽ giải quyết vụ án nói trên theo quy định pháp luật, nhưng phía ông Linh là chồng của bà T và phía bị đơn bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Xét thấy, phía bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do như phân tích trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn bà T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Phương H có đại diện theo ủy quyền ông Trần Đăng K: yêu cầu phía bị đơn bà Phạm Thị Kim T trả số tiền vốn vay là 415.000.000 đồng, về lãi suất chỉ yêu cầu bà T trả số tiền lãi với lãi suất là 0,8%/tháng, tính từ ngày 25/4/2019 cho đến ngày xét xử hôm nay là ngày 08/7/2022 là hơn 38 tháng lãi nhưng chỉ yêu cầu tính tròn là 38 tháng lãi. Xét thấy, yêu cầu của phía nguyên đơn bà H là có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại phiên tòa hôm nay phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H xác định vào ngày 25/4/2019 phía bà H có cho bà T vay hai lần tiền, vào buổi sáng cho bà T vay số tiền là 260.000.000 đồng và buổi chiều vay tiếp số tiền là 155.000.000 đồng, tổng cộng số tiền mà bà T vay của bà H là 415.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng. Sau khi vay bà T không trả tiền lãi theo đúng thỏa thuận, nên đến ngày 10/4/2020 hai bên đối chiếu nợ thì tiền vốn vay tổng cộng là 415.000.000 đồng, tiền lãi suất là 2% tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 31/01/2020 với số tiền là 104.500.000 đồng, tiền lãi vay trước đây còn nợ lại là 60.860.000 đồng, phía bà T trả được số tiền lãi là 6.800.000 đồng. Sau khi đối chiếu nợ bà T có viết biên nhận nợ với số tiền là 573.560.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 415.000.000 đồng và lãi là 158.560.000 đồng), bà T có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận nợ và thỏa thuận mỗi tháng trả là 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, không tính lãi từ ngày 01/02/2020, nhưng phía bà T không trả tiền theo thỏa thuận, nên phía bà H có đến đòi nhiều lần phía bà T hẹn trả nhưng không trả kéo dài cho đến nay. Phía bị đơn bà H cũng có cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh là có cho bà T vay tiền cụ thể là 01 biên nhận nợ bản gốc do bà T viết có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận, nên yêu cầu của bà H là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Tại phiên tòa hôm nay chỉ yêu cầu bà T trả số tiền lãi với lãi suất là 0,8%/tháng tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày xét xử hôm nay là hơn 38 tháng lãi nhưng chỉ yêu cầu tính tròn là 38 tháng lãi. Xét thấy, yêu cầu tính lãi suất của phía nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho phía bị đơn nên cần chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi được tính như sau: 415.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 38 tháng lãi thành tiền là 126.160.000 đồng.

[5] Đối với phía bị đơn bà Phạm Thị Kim T dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến và không có ý kiến gởi cho Tòa án. Cho thấy, phía bị đơn bà T đã biết được số tiền mà phía nguyên đơn bà H đã khởi kiện để yêu cầu phía bị đơn bà T phải

có nghĩa vụ trả, nhưng phía bị đơn bà T đã từ bỏ nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh là mình có nợ số tiền vay đối với yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn hay không, điều này cũng đồng nghĩa là phía bị đơn bà T đã thừa nhận số tiền còn nợ mà phía nguyên đơn đã khởi kiện và yêu cầu phía bị đơn bà T phải có nghĩa vụ trả nên bà T không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Việc bị đơn bà T cố tình không đến là nhằm kéo dài thời gian trả nợ và gây khó khăn cho việc thu hồi nợ đối với phía nguyên đơn. Đối với phía bị đơn bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với nguyên đơn, nên cần buộc phía bị đơn bà Phạm Thị Kim T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Phương H số tiền là 541.160.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 415.000.000 đồng và lãi là 126.160.000 đồng).

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phương H, nên phía bị đơn bà Phạm Thị Kim T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía bà H là 541.160.000 đồng theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên bà T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.646.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Phương H có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Đăng K.

Buộc bà Phạm Thị Kim T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Phương H số tiền là 541.160.000 đồng (trong đó tiền vốn vay là 415.000.000 đồng và lãi là 126.160.000 đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn bà T chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trên số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị Kim T phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.646.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Phương H 13.758.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002025 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Phạm Thị Kim T thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- CCTHADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn